

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Ông Nguyễn Quang Vinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 441/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204^A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1956 - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Tr, xã MH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn CGTS, xã TL, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

* **Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Q nhận các văn bản tố tụng của Toà án:** Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Tr, xã MH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang - Vắng mặt.

(Bà Q, ông L, chị Ng đều vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Gia đình nhà bà và gia đình nhà ông Nguyễn Văn L đều ở cùng thôn Tr, xã MH, huyện LG, tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh BG). Năm

1978, bà và ông L được tự do tìm hiểu và tự nguyện về chung sống cùng nhau, tuy nhiên vợ chồng bà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã MH. Việc vợ chồng bà về chung sống cùng nhau được họ hàng 2 bên gia đình đồng ý, tuy nhiên vì cuộc sống khi đó khó khăn, mẹ mới chết nên ông bà không tổ chức lễ cưới. Trước khi về chung sống cùng nhau, bà và ông L chưa từng đăng ký kết hôn và chưa từng chung sống với người nào khác. Ông L và bà về chung sống cùng nhau tại gia đình nhà bà, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 1982 sau khi sinh con thứ hai thì kinh tế gia đình khó khăn nên giữa bà và ông L xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Ông L đi làm thuê, thi thoảng mới về nhà. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông L, vợ chồng không thể đoàn tụ, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống cùng nhau, giữa bà và ông Nguyễn Văn L có 02 người con chung là: Nguyễn Văn Bằng, sinh ngày 10/10/1978 và Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1982. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên khi ly hôn bà không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

- *Về tài chung, nghĩa vụ chung về tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do nhà ở xa trụ sở Toà án và do bận công việc nên bà làm đơn đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại Toà án và uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Tr, xã MH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Toà án thay cho bà.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 18/11/2022 như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Q trước đây sinh sống tại Thôn Tr, xã MH, huyện LG. Năm 1978, ông và bà Q về chung sống cùng nhau dưới sự cho phép của gia đình hai bên nhưng ông bà không ra Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn. Thời điểm đó hoàn cảnh gia đình 2 bên khó khăn, mẹ ông mới chết nên ông và bà Q chỉ báo cáo gia đình hai bên và tổ tiên rùi về sinh sống cùng nhau thành vợ thành chồng. Trước khi về chung sống cùng bà Q, ông bà không chung sống như vợ chồng với người nào khác. Quá trình chung sống cùng nhau, khi vợ chồng ông sinh con thứ 2 thì nảy sinh mâu thuẫn. Cuộc sống kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên từ năm 1982 ông đi làm thuê thỉnh thoảng về thăm nhà. Nay bà Q xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà Q vì vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ.

Về con chung: Giữa ông và bà Q có 02 con chung là Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1978 và Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1982. Hiện nay các con chung

đã trưởng thành nên khi ly hôn ông không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có gì vướng mắc nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do hiện nay ông đi làm thuê , thường xuyên vắng mặt ở nhà nên đề nghị Toà án giao các văn bản tố tụng cho anh Trần Đức D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Tr, xã MH, huyện LG, tỉnh BG nhận thay cho ông.

Do bà Q và ông L đều từ chối hòa giải nên không tiến hành hòa giải được vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án , Toà án xác minh với chính quyền địa phương xã MH, huyện LG, tỉnh BG thì thấy: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Q là vợ chồng chung sống cùng nhau từ năm 1978, tuy nhiên ông L, bà Q không thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã . Khi về chung sống cùng nhau ông L, bà Q được gia đình , họ hàng, làng xóm công nhận , thời điểm đó kinh tế khó khăn, mẹ đẻ ông L mới chết nên vợ chồng ông L, bà Q không tổ chức lễ cưới . Ông L và bà Q về sinh sống tại nhà bà Q và quá trình chung sống vợ chồng ông bà sinh được 02 người con là anh Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1978 và Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1982. Tuy nhiên trong cuộc sống ông L, bà Q nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết, do mâu thuẫn ông L đi làm thuê không ở nhà , ít về thăm gia đình. Nay bà Q làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, bị đơn ông Nguyễn Văn L đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX xét xử là đúng. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10; điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân xử cho bà Q và ông L ly hôn; Về con chung: Bà Q, ông L có 02 con chung là Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1978 và Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1982. Hiện các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về sản phẩm, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Do bà Q là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Ngén cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị bà Nguyễn Thị Q cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn L hiện đang cư trú tại Thôn CGTS, xã TL, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành Ngêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông L chung sống cùng nhau từ năm 1978, mặc dù không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng khi ông bà về chung sống cùng nhau thì được gia đình hai bên đồng ý chấp nhận và được chính quyền địa phương xác nhận có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1978. Do đó căn cứ điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì bà Q, ông L chung sống cùng nhau từ năm 1978 (trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986), mặc dù cho đến nay bà Q và ông L không

đăng ký kết hôn nhưng quan hệ giữa bà Q và ông L là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Cả bà Q và ông L đều xác định vợ chồng sau khi sinh con thứ 2 thì do kinh tế khó khăn nên vợ chồng mâu thuẫn, ông L bỏ đi làm ăn, thi thoảng mới về thăm gia đình. Hiện nay cả bà Q và ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà Q và ông L không thể hàn gắn, hai bên không còn tình cảm với nhau và đều không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc duy trì quan hệ hôn nhân không đạt được mục đích mang đến hạnh phúc cho cả hai. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Q, xử cho bà Q và ông L ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà Q, ông L có hai con chung là Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1978 và Nguyễn Văn Quyết, sinh năm 1982, do anh Bằng, anh Quyết đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên bà Q và ông L không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Q là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Q và Nguyễn Văn L được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Văn Bằng , sinh năm 1978 và Nguyễn Văn Quyết , sinh năm 1982. Cả 02 con đều đã trưởng thành, bà Q và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc con chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Q.

4. Về quyền kháng cáo : Bà Q, ông L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND các xã: MH, TL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm